

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Hương Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về việc Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung 6 tháng cuối năm 2022;

Xét đề nghị của UBND huyện Hương Sơn tại Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 14/9/2022 và số 164/TTr-UBND ngày 10/11/2022 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4270/TTr-STMMT ngày 16/11/2022; thực hiện Kết luận Phiên họp UBND tỉnh ngày 28/11/2022 tại Thông báo số 475/TB-UBND ngày 02/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Hương Sơn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2022:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH 2022	Ghi chú
				Tổng DT các loại đất	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH (01 công trình, dự án)	32,11	7,60	24,51	9,37			15,14			
I	Đất giao thông	32,11	7,60	24,51	9,37			15,14			
1	Nâng cấp, mở rộng QL8C	32,11	7,60	24,51	9,37			15,14	Các xã: Sơn Long, Tân Mỹ Hà, An Hòa Thịnh, Sơn Ninh, Sơn Trung	249	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG (16 công trình, dự án)	40,31		40,31	7,86			32,45			
I	<i>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất (Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013) 03 CTDA</i>	7,17		7,17				7,17			
I.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,37		0,37				0,37			
1	Quy hoạch nhà máy cấp nước Khe Cò	0,37		0,37				0,37	Xã Sơn Lễ	277	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh
I.2	Đất giao thông	6,50		6,50				6,50			
1	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 8A	6,50		6,50				6,50	Xã Sơn Kim 1	252	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh
I.3	Đất ở tại đô thị	0,30		0,30				0,30			
1	Xây dựng khu đô thị Nam thị	0,30		0,30				0,30	TT Tây Sơn	263	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH 2022	Ghi chú
				Tổng DT các loại đất	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
	trần Tây Sơn										ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh
II	Công trình, dự án chuyển mục dịch sử dụng đất (01 CTDA)	0,40		0,40	0,30			0,10			
II.1	Đất giao thông	0,40		0,40	0,30			0,10			
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối từ thôn 5, xã Sơn Giang xuống đường mòn Hồ Chí Minh, xã Sơn Trung (Đường công vụ)	0,40		0,40	0,30			0,10	Xã Sơn Giang	261	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh
III	Các công trình sử dụng đất khác (15 CTDA)	32,74		32,74	7,56			25,18			
III.1	Đất nông nghiệp khác	6,85		6,85				6,85			
1	Trang trại chăn nuôi thôn Hà Sơn, xã Quang Diệm	5,00		5,00				5,00	Xã Quang Diệm	275	Văn bản số 3018/SKHĐT- DNĐT ngày 24/10/2022 của Sở KH&ĐT Hà Tĩnh
2	Đất nông nghiệp khác thôn Long Thủy, xã Kim Hoa	1,85		1,85				1,85	Xã Kim Hoa	276	Văn bản số 3018/SKHĐT- DNĐT ngày 24/10/2022 của Sở KH&ĐT Hà Tĩnh
III.2	Đất an ninh	0,19		0,19				0,19			
1	Trạm quản lý xuất nhập cảnh Cầu Treo	0,19		0,19				0,19	Xã Sơn Kim 1	250	Văn bản số 662/KKT-TNMT ngày 03/6/2022 của Ban QL KKT cửa khẩu Cầu Treo
III.3	Đất thương mại, dịch vụ	8,80		8,80	0,60			8,20			
1	Khu thương mại dịch vụ khu Rào Mắc, xã Sơn Kim 1	6,00		6,00				6,00	Xã Sơn Kim 1	254	
2	Đất thương mại dịch vụ thôn Bồng Phài, xã Sơn Tây	0,60		0,60	0,6				Xã Sơn Tây	255	
3	Điểm thương mại dịch vụ thôn 3, xã Quang Diệm	1,00		1,00				1,00	Xã Quang Diệm	256	
4	Quy hoạch điểm thương mại	1,20		1,20				1,20	Xã Sơn Trung	257	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH 2022	Ghi chú
				Tổng DT các loại đất	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
	dịch vụ (kê trạm viễn thông), xã Sơn Trung										
III.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5,00		5,00				5,00			
1	Mỏ cát Kim Thành	5,00		5,00				5,00	Xã Sơn Tây	253	Quyết định số 2368/QĐ- UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
III.5	Đất thủy lợi	0,75		0,75	0,30			0,45			
1	Xây dựng hệ thống kênh Cầu Động đập Ngân Trươi	0,75		0,75	0,30			0,45	Xã Sơn Long	280	Quyết định số 1998/QĐ- BNN-XD ngày 23/5/2017, số 2794/QĐ-BNN-XD ngày 22/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III.6	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,05		0,05				0,05			
1	Quy hoạch đất làm trạm BTS mạng di động Vinaphone	0,05		0,05				0,05	Xã Sơn Kim 1	251	Văn bản số 662/KKT-TNMT ngày 03/6/2022 của Ban QL KKT cửa khẩu Cầu Treo
III.7	Đất ở tại nông thôn	11,07		11,07	6,66			4,41			
1	Chuyên mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở	1,00		1,00				1,00	Huyện Hương Sơn		
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại vùng thôn Bình Hòa, thôn Giếng Thị, xã An Hòa Thịnh	9,07		9,07	6,66			2,41	Xã An Hòa Thịnh	270	Công văn số 4579/UBND- XD1 ngày 18/8/2022 của UBND Tỉnh
	TỔNG A+B: 17 CT, DA	72,42	7,60	64,82	17,23			47,59			

2. Tổng hợp số liệu sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

Đvt: Ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		109.679,53	109.679,53
1	Đất nông nghiệp	NNP	100.917,52	100.891,03
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.424,10	5.420,31
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.075,52</i>	<i>4.072,11</i>
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.348,58	1.348,20
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.605,30	3.593,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.623,17	6.616,41
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	31.688,80	31.688,80
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	9.325,91	9.325,91
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	43.712,02	43.700,97
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	332,22	332,08
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	205,99	212,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.588,59	7.623,76
2.1	Đất quốc phòng	CQP	56,86	56,86
2.2	Đất an ninh	CAN	4,27	4,27
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	36,18	36,18
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,50	25,50
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	127,00	135,80
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	35,66	36,03
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,95	21,95
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	104,19	109,19
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.185,32	4.200,82
-	Đất giao thông	DGT	2.263,25	2.278,49
-	Đất thủy lợi	DTL	862,04	862,25
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,47	4,47
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,74	8,74
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	79,10	79,10
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	80,97	80,97
-	Đất công trình năng lượng	DNL	238,31	238,31
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	3,01	3,06
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,97	9,97
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	31,03	31,03
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	21,37	21,37
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	576,24	576,24
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,06	0,06
-	Đất chợ	DCH	6,75	6,75
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	36,10	36,10
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,72	3,72
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.046,08	1.051,17

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	111,71	112,12
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,50	20,50
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,19	9,19
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	33,79	33,79
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.602,55	1.602,55
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	108,17	108,17
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,85	19,85
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.173,42	1.164,74

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đã được bổ sung) theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Hương Sơn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr HĐND huyện Hương Sơn;
- Phó CVP/UB (phụ trách);
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh